

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-6-2020

V/v ly hôn giữa chị B và anh H1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Lê Văn La

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị B, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T3, xã D2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T3, xã D2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam PS4, Cục C10, Bộ Công An. Đại chỉ: Xã CL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 20/02/2020 cùng các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lương Thị B trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H1 ngày 29/7/2002. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại xã D2, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh H1 bị bắt và phải đi chấp hành án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Sau khi anh H1 đi cải tạo chị vẫn chung sống cùng gia đình nhà chồng, do khó khăn về kinh tế nên chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan đến đầu năm 2017 thì về nước và vẫn ở cùng gia đình nhà chồng. Do anh H1 phải đi chấp hành án nên tình cảm vợ chồng

xa cách và một phần nguyên nhân mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

-Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thúy H9, sinh ngày 26/12/2002 và Nguyễn Dạ Minh C1, sinh ngày 09/5/2013. Hiện các con khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng chị. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin nuôi cả hai con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh H1 được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lương Thị B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm chị Lương Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày như sau: Năm 2002 anh kết hôn với chị Lương Thị B. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại xã D2, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh vi phạm pháp luật phải đi chấp hành hình phạt tù thời gian dài. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, anh đồng ý.

-Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thúy H9, sinh ngày 26/12/2002 và Nguyễn Dạ Minh C1, sinh ngày 09/5/2013. Hiện các con khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng chị B. Nếu vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị B nuôi cả hai con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Văn H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang chấp hành án không về được nên anh có đơn xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử vụ án. Anh đề nghị sau khi xét xử xong Tòa án giao lại Bản án cho bố để anh là Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1957 ở thôn Thị, xã D2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang nhận thay anh.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị B.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

-Về con chung: Giao chị Lương Thị B trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thúy H9, sinh ngày 26/12/2002 và Nguyễn Dạ Minh C1, sinh ngày 09/5/2013, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị B kết hôn với anh Nguyễn Văn H1, ngày 29/7/2002 trên cơ sở tự nguyện H1 pháp và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại xã D2, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2016 do anh H1 vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án một thời gian dài nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay chị Lương Thị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1. Phía anh H1 cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lương Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

[2] *Về con chung*: Chị Lương Thị B và anh Nguyễn Văn H1 có hai con chung là Nguyễn Thúy H9, sinh ngày 26/12/2002 và Nguyễn Dạ Minh C1, sinh ngày 09/5/2013. Hiện cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với chị B. Quá trình giải quyết vụ án chị B có nguyện vọng được nuôi con, phía anh H1 cũng đồng ý. Xét nguyện vọng nuôi con của chị B là nguyện vọng chính đáng và chị B có đủ điều kiện để nuôi con. Việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn là tự nguyện phù H1 với quy định của pháp luật. Nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Lương Thị B tiếp tục nuôi con là Nguyễn Thúy H9, sinh ngày 26/12/2002 và Nguyễn Dạ Minh C1, sinh ngày 09/5/2013. Vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H1 có quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản*: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án. Chị Lương Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002171 ngày 21/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Lương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. *Về con chung:* Giao chị Lương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thúy H9, sinh ngày 26/12/2002 và Nguyễn Dạ Minh C1, sinh ngày 09/5/2013, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Lương Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002171 ngày 21/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- UBND xã D2;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Hoa

